

Đi khám bệnh bằng tiếng Anh

60 câu · 3 hội thoại mẫu · 45 từ về chỗ đau và triệu chứng



Đây là bộ câu em mong anh chị không bao giờ phải dùng tới. Nhưng lúc cần thì phải có ngay – vì đứng trước bác sĩ mà không tả được chỗ đau là chuyện đáng sợ thật sự. Anh chị đọc to mỗi câu một lần, nhất là nhóm 2. Chỉ cần nói đúng chỗ đau và đau kiểu gì là đủ.

– Thầy Ryan Duy Hùng

1 · GỌI ĐẶT LỊCH

1 I'd like to make an appointment.

Tôi muốn đặt lịch khám.

2 Do you have anything today?

Hôm nay còn chỗ không ạ?

3 It's urgent.

Việc này gấp.

4 I'm a new patient.

Tôi là bệnh nhân mới.

5 I've been here before.

Tôi từng khám ở đây rồi.

6 What should I bring?

Tôi cần mang theo gì?

7 Do you take this insurance?

Chỗ mình có nhận bảo hiểm này không?

8 How much will it cost without insurance?

Không có bảo hiểm thì hết bao nhiêu?

9 Can I come in the afternoon?

Tôi đến buổi chiều được không?

10 I need to cancel my appointment.

Tôi cần huỷ lịch khám.

2 · TẢ BỆNH – PHẦN QUAN TRỌNG NHẤT

1 I don't feel well.

Tôi thấy không khỏe.

2 I have a headache.

Tôi bị đau đầu.

3 I have a sore throat.

Tôi bị đau họng.

4 I have a fever.

Tôi bị sốt.

5 I've been coughing for three days.

Tôi ho ba ngày nay rồi.

6 It hurts here.

Đau ở chỗ này.

7 It hurts when I move.

Cử động là đau.

8 It's a sharp pain.

Đau nhói.

9 It's a dull ache.

Đau âm ỉ.

- 10 **It comes and goes.**
Lúc đau lúc không.
-
- 11 **It started two days ago.**
Bắt đầu đau từ hai hôm trước.
-
- 12 **It's getting worse.**
Càng ngày càng nặng hơn.
-
- 13 **I can't sleep because of it.**
Vì nó mà tôi không ngủ được.
-
- 14 **I feel dizzy.**
Tôi thấy chóng mặt.
-
- 15 **I feel sick to my stomach.**
Tôi thấy buồn nôn.
-
- 16 **I threw up this morning.**
Sáng nay tôi bị nôn.
-
- 17 **I'm allergic to penicillin.**
Tôi dị ứng với penicillin.
-
- 18 **I'm taking this medicine.**
Tôi đang uống thuốc này.
-
- 19 **I have high blood pressure.**
Tôi bị huyết áp cao.
-
- 20 **I'm diabetic.**
Tôi bị tiểu đường.

3 · NGHE BÁC SĨ VÀ HỎI LẠI

- 1 **Sorry, could you say that again?**
Xin lỗi, bác sĩ nói lại được không ạ?
-

2 Could you speak a little slower, please?

Bác sĩ nói chậm hơn chút được không ạ?

3 Could you write it down for me?

Bác sĩ viết ra giúp tôi được không?

4 How do you spell that?

Chữ đó đánh vần thế nào ạ?

5 Is it serious?

Có nghiêm trọng không ạ?

6 Do I need a test?

Tôi có cần làm xét nghiệm không?

7 Do I need an X-ray?

Tôi có cần chụp X-quang không?

8 When will I get the results?

Khi nào có kết quả ạ?

9 Should I come back?

Tôi có cần tái khám không?

10 Can I go to work?

Tôi đi làm được không?

11 What should I avoid?

Tôi nên kiêng gì?

12 Is there anything I should watch for?

Có dấu hiệu nào tôi cần để ý không?

4 · Ở NHÀ THUỐC

1 I'd like to fill this prescription.

Tôi muốn lấy thuốc theo đơn này.

2 Do you have something for a cough?

Có thuốc ho không ạ?

3 Something for a headache, please.

Cho tôi thuốc đau đầu.

4 Is this over the counter?

Thuốc này mua không cần đơn à?

5 How many times a day?

Ngày uống mấy lần?

6 Before or after meals?

Uống trước hay sau ăn?

7 How many days should I take it?

Uống trong bao nhiêu ngày?

8 Are there any side effects?

Có tác dụng phụ gì không?

9 Can I take it with my other medicine?

Uống chung với thuốc kia được không?

10 Is there a generic version?

Có loại thuốc gốc rẻ hơn không?

11 Does my insurance cover this?

Bảo hiểm của tôi có chi trả không?

12 Can I pick it up later today?

Chiều nay tôi quay lại lấy được không?

5 · KHẨN CẤP

1 I need help.

Tôi cần giúp đỡ.

2 Call an ambulance, please.

Làm ơn gọi xe cấp cứu.

3 He can't breathe.

Anh ấy không thở được.

4 She's unconscious.

Cô ấy bất tỉnh.

5 I'm having chest pain.

Tôi bị đau ngực.

6 I cut my hand badly.

Tôi bị đứt tay nặng.

6 · BA HỘI THOẠI MẪU, ĐỌC NHƯ KỊCH

Đọc to cả hai vai. Đọc vai lễ tân, vai bác sĩ cũng quan trọng – vì lúc thật, cái làm mình đúng tim là **câu họ hỏi**, không phải câu mình nói.

Gọi điện đặt lịch khám

Bạn gọi vào phòng khám gia đình. Người bắt máy là lễ tân, không phải bác sĩ.

LỄ TÂN

Dr. Miller's office, how can I help you?

Phòng khám bác sĩ Miller đây, tôi giúp gì được ạ?

BẠN

Hi, I'd like to make an appointment, please.

Chào chị, tôi muốn đặt lịch khám.

LỄ TÂN

Sure. Have you been here before?

Được. Anh/chị từng khám ở đây chưa?

BẠN

No, I'm a new patient.

Chưa, tôi là bệnh nhân mới.

LỄ TÂN

What's the reason for your visit?

Anh/chị khám vì vấn đề gì?

BẠN

I've had a sore throat and a fever for three days.

Tôi đau họng và sốt ba ngày nay.

LỄ TÂN

We have an opening tomorrow at 2:30. Does that work?

Mai 2 giờ 30 chiều còn chỗ. Giờ đó được không?

BẠN

Yes, that works. What should I bring?

Được ạ. Tôi cần mang theo gì?

LỄ TÂN

Your ID, your insurance card, and a list of your medications.

Giấy tờ tùy thân, thẻ bảo hiểm, và danh sách thuốc đang dùng.

BẠN

Got it. Thank you very much.

Tôi hiểu rồi. Cảm ơn chị nhiều.

Trong phòng khám, ngồi trước bác sĩ

Ba phút đầu bác sĩ chỉ cần ba thứ: chỗ nào, kiểu gì, từ bao giờ. Bạn nói đủ ba thứ đó là xong phần khó nhất.

BÁC SĨ

So, what brings you in today?

Hôm nay anh/chị tới vì chuyện gì?

BẠN

I have a bad stomach ache. It started two days ago.

Tôi đau bụng nhiều. Bắt đầu từ hai hôm trước.

BÁC SĨ

Can you show me where it hurts?

Anh/chị chỉ cho tôi chỗ đau được không?

BẠN

It hurts here. It's a sharp pain, and it comes and goes.

Đau ở chỗ này. Đau nhói, và lúc đau lúc không.

BÁC SĨ

Any nausea or vomiting?

Có buồn nôn hay nôn không?

BẠN

I threw up yesterday morning. I can't eat much.

Sáng hôm qua tôi nôn. Tôi ăn không được nhiều.

BÁC SĨ

Are you taking any medications?

Anh/chị có đang dùng thuốc gì không?

BẠN

I take medicine for high blood pressure. And I'm allergic to penicillin.

Tôi uống thuốc huyết áp cao. Và tôi dị ứng penicillin.

BÁC SĨ

I'd like to run a blood test to be safe.

Tôi muốn cho làm xét nghiệm máu cho chắc.

BẠN

Sorry, could you say that again? Could you speak a little slower?

Xin lỗi, bác sĩ nói lại được không? Nói chậm hơn chút được không ạ?

BÁC SĨ

Of course. A blood test. The results come back tomorrow.

Được. Xét nghiệm máu. Mai có kết quả.

BẠN

I understand. Should I come back for the results?

Tôi hiểu rồi. Tôi cần quay lại lấy kết quả không?

Ra nhà thuốc lấy thuốc

Ở Mỹ, quầy thuốc theo đơn (pharmacy) thường nằm ngay trong siêu thị. Người đứng quầy là dược sĩ – hỏi họ được, họ có nhiệm vụ trả lời.

DƯỢC SĨ

Hi, are you picking up or dropping off?

Chào anh/chị, lấy thuốc hay gửi đơn ạ?

BẠN

I'd like to fill this prescription, please.

Tôi muốn lấy thuốc theo đơn này.

DƯỢC SĨ

Can I get your name and date of birth?

Cho tôi tên và ngày sinh của anh/chị?

BẠN

It's Linh Nguyen. N-G-U-Y-E-N. June 5th, 1982.

Linh Nguyễn. N-G-U-Y-E-N. Ngày 5 tháng 6 năm 1982.

DƯỢC SĨ

It'll be about fifteen minutes.

Khoảng mười lăm phút nữa có.

BẠN

That's fine. How many times a day should I take it?

Không sao. Ngày tôi uống mấy lần ạ?

DƯỢC SĨ

Twice a day, after meals.

Ngày hai lần, sau khi ăn.

BẠN

Are there any side effects?

Có tác dụng phụ gì không?

DƯỢC SĨ

It may make you drowsy. Don't drive right after taking it.

Thuốc có thể gây buồn ngủ. Uống xong đừng lái xe ngay.

BẠN

Can I take it with my blood pressure medicine?

Uống chung với thuốc huyết áp của tôi được không?

DƯỢC SĨ

That's fine. Just take them a few hours apart.

Được. Chỉ cần uống cách nhau vài giờ.

BẠN

And is there a generic version? Does my insurance cover this?

Có loại thuốc generic rẻ hơn không? Bảo hiểm của tôi có chi trả không?

7 · BẢNG TỪ: CHỖ ĐAU, KIỂU ĐAU, TRIỆU CHỨNG

Ghép theo công thức ba phần: **It hurts** + chỗ nào + kiểu đau + từ bao giờ. Ví dụ: “*My lower back hurts. It's a dull ache. It started last Monday.*”

CHỖ ĐAU TRÊN NGƯỜI

Tiếng Anh	Tiếng Việt
head	đầu
forehead	trán
throat	họng
neck	cổ
shoulder	vai
chest	ngực
back	lưng
lower back	thắt lưng
stomach	bụng / dạ dày
side	mạn sườn
hip	hông
knee	đầu gối
ankle	mắt cá chân
wrist	cổ tay
elbow	khuỷu tay
tooth	cái răng
ear	tai
eye	mắt

Kiểu đau – Nói được cái này là bác sĩ hiểu ngay

Tiếng Anh	Tiếng Việt
a sharp pain	đau nhói
a dull ache	đau âm ỉ
a burning pain	đau rát
a throbbing pain	đau giật theo nhịp
it's sore	ê ẩm, chạm vào là đau
it's swollen	bị sưng
it's stiff	bị cứng, khó cử động
it's numb	bị tê, mất cảm giác
it itches	bị ngứa
it comes and goes	lúc đau lúc không
it's constant	đau liên tục không dứt
it's getting worse	càng ngày càng nặng

TRIỆU CHỨNG HAY PHẢI KỂ

Tiếng Anh	Tiếng Việt
I have a fever	tôi bị sốt
I have a cough	tôi bị ho
I have a runny nose	tôi bị chảy nước mũi
I have a rash	tôi bị phát ban, nổi mẩn
I feel dizzy	tôi thấy chóng mặt
I feel weak	tôi thấy yếu người
I feel nauseous	tôi thấy buồn nôn
I can't sleep	tôi không ngủ được
I've lost my appetite	tôi ăn không nổi
I'm short of breath	tôi khó thở, thở không ra hơi
my heart is racing	tim tôi đập nhanh
I've been losing weight	tôi đang sụt cân

BA CÂU CỨU NGUY KHI KHÔNG HIỂU BÁC SĨ NÓI GÌ

Tiếng Anh	Tiếng Việt
Sorry, I didn't catch that.	Xin lỗi, tôi chưa nghe rõ.
Could you write it down for me?	Bác sĩ viết ra giúp tôi được không?
Is there a Vietnamese interpreter?	Ở đây có phiên dịch tiếng Việt không ạ?



Mẹo của thầy Hùng

Khi đau, người ta nói nhanh và lắt. Nhớ công thức ba phần cho gọn: **chỗ nào** (It hurts here) + **kiểu đau** (sharp / dull) + **từ bao giờ** (since Monday). Ba phần đó là bác sĩ đủ hiểu.

Lighthouse English – thầy Ryan Duy Hùng & cô Esther Huyền Trang
Quà tặng miễn phí, anh chị cứ chia sẻ thoải mái cho người cần.

Về trang chủ ryanduyhung.com · [Xem tất cả quà tặng](#)